

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/DS-ST

Ngày: 21-8-2019.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Bích Thơ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Không.

Trong các ngày 06, 21 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2019/TLST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1988;

Nơi cư trú: 201A, khu vực P, phường T, quận C, thành phố C; Tạm trú: Tổ 4, khu phố H, phường T, thị xã U, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị Kiều Thị Thủy T1, sinh năm: 1992;

Nơi cư trú: Số 898/C, ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đồng Tháp; Tạm trú: Số 521, ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn chị T1 vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2019, bản khai ngày 27/6/2019 của chị Trần Thị T; Biên bản hòa giải ngày 27/6/2019, ngày 15/7/2019 và trong quá trình xét xử:

*** Nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:**

Chị và chị Kiều Thị Thủy T1 quen biết do ở gần nhà trọ nên chị T1 có hỏi vay tiền của chị T số tiền sau:

Ngày 15/10/2018 vay số tiền 20.000.000đ; Ngày 17/10/2018 vay số tiền 10.000.000đ; Ngày 22/10/2018 vay số tiền 5.000.000đ, thời hạn vay là 03 tháng, tất cả 03 lần vay tiền đều có làm biên nhận, lãi suất thỏa thuận là 20%/tháng (200.000đ/1000.000đ/tháng). Từ khi vay đến nay chị T1 không có đóng lãi cũng như trả gốc cho chị và đã hết thời hạn vay tiền, chị có đến gặp chị T1 nhiều lần yêu cầu trả lại số tiền thiếu, chị T1 cứ hẹn không chịu trả tiền cho chị.

Nay chị Trần Thị Ta yêu cầu chị Kiều Thị Thủy T1 trả lại số tiền vay còn nợ là 35.000.000đ, không yêu cầu trả lãi.

* Bị đơn chị Kiều Thị Thủy T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị T1 không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của chị T, cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của chị T1 về việc yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị và chị T1 quen biết với nhau khoảng hơn 01 năm, do chị T1 làm phục vụ quán, cần có nhan sắc nên chị T1 nhờ chị vay tiền giùm để đi sửa mũi, lúc đầu vay 20.000.000đ, khoảng mấy ngày sau chị T1 nói 20.000.000đ không đủ, yêu cầu chị cho vay thêm 10.000.000đ, khoảng mấy ngày sau nữa chị T1 nói mới sửa mũi chưa đi làm được nên hỏi chị vay thêm số tiền 5.000.000đ để trang trải chi phí sinh hoạt trong thời gian không đi làm. Sau đó chị T1 bỏ trốn không còn sống ở Bình Dương nữa mà về quê sống ở ấp Tân Thới, xã Tân Hòa, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp chung với gia đình cha mẹ chị T1. Chị có tìm đến nhà mẹ chị T1 nhưng không gặp chị T1 và chị T1 có điện Tại liên hệ hứa sẽ trả từ từ cho chị nhưng đến nay vẫn không trả gốc cũng như lãi cho chị.

Nay chị T yêu cầu chị T1 trả lại số tiền còn nợ là 35.000.000đ, không yêu cầu tính lãi, cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền đối với 03 biên nhận nêu trên là của chị Kiều Thị Thủy T1 T1, nếu sai chị sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, chị T1 hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền

của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Giấy vay tiền ngày 15/10/2018, ngày 17/10/2018, ngày 22/10/2018, chị T khởi kiện yêu cầu chị T1 trả lại số tiền còn nợ là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*), vì cho rằng chị T1 vi phạm hợp đồng nên làm phát sinh tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2018, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa hôm nay chị T1 vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét thấy chị đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng chị T1 vẫn vắng mặt, không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ bị đơn ghi trong giấy vay tiền, tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho chị T1, nhưng chị T1 không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T1 là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1.] Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu chị Kiều Thị Thủy T1 trả lại số tiền còn nợ là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) là có cơ sở chấp nhận, căn cứ vào giấy vay tiền ngày 15/10/2018, ngày 17/10/2018, ngày 22/10/2018, việc chị T có cho chị T1 vay tiền là có thật đã xảy ra, chị T1 đã nhận đủ tiền, nhưng không thực hiện đúng theo thỏa thuận trong giấy vay tiền về việc trả nợ gốc lãi trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày nhận tiền vay. Từ khi nhận tiền vay cho đến nay chị T1 không trả lãi cũng như số tiền vay gốc cho chị T. Căn cứ giấy vay tiền ngày 15/10/2018 đến hạn trả tiền là ngày 15/01/2019, giấy vay tiền ngày 17/10/2018 đến hạn trả tiền là ngày 17/01/2019, giấy vay tiền ngày 22/10/2018 đến hạn trả tiền là ngày 22/01/2019, đến nay chị T1 không trả lại đủ số tiền vay đã nhận của chị T nên đã vi phạm hợp đồng vay tài sản ngày 15/10/2018, ngày 17/10/2018, ngày 22/10/2018, hiện nay còn nợ số tiền 35.000.000đ. Chị T cam kết chữ ký tên và chữ viết họ tên trong giấy vay tiền là của chị T1, nếu sai hoàn toàn chịu trách nhiệm. Do vậy yêu cầu khởi kiện của chị T là có cơ sở chấp nhận nên buộc chị T1 trả lại số tiền còn nợ là 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 468 BLDS năm 2015.

[2.2.] Yêu cầu đối với lãi suất: Trong quá trình hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền chị T1 còn nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3.] Chị T1 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, chị T1 không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của chị T, cũng như cung cấp chứng

cứ chứng minh về việc có nợ của chị T hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của chị T1 đối với số tiền nợ nêu trên.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[3.1] Bị đơn chị Kiều Thị Thủy T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Nguyên đơn chị Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm b, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với chị Kiều Thị Thủy T1.

Buộc chị Kiều Thị Thủy T1 có trách nhiệm cá nhân trả lại cho chị Trần Thị T số tiền còn nợ 35.000.000đ (*Ba mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Chị Kiều Thị Thủy T1 phải chịu 1.750.000đ (*Một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Trần Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 875.000đ (*Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai số BH/2017- 0009311 ngày 29/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 21/8/2019). Đương sự vắng

mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Bình;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Cổng thông tin Điện tử Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lý Thị Bích Thơ